



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT
Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 04/KQXN.23.03.2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

I. Thông tin mẫu:

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

13.03.25.A13(M1): Vòi phát Xí nghiệp nước Kiến Xương

13.03.25.A14(M2): GD Nguyễn Thị Loan - TDP Tiền Tuyến - TT. Kiến Xương - HKX - TB

13.03.25.A15(M3): GD Vũ Văn Thủy - TDP Thống Nhất - TT. Kiến Xương - HKX - TB

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Kiến Xương

5. Địa chỉ: TDP Đông Trung - Thị trấn Kiến Xương - Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình.

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Vũ Thị Hạnh

7. Ngày nhận mẫu: 13/03/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 13/03/2025

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025	< 3	7	< 3	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7.17	7.14	7.16	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.325	0.483	0.803	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021	0.39	0.29	0.27	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008	< 0.02	< 0.02	< 0.02	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149	0.019	0.017	0.021	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO ₃) (*)	TCVN 6224:1996	125	130	150	mg/L	300

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "***" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 04/KQXN.23.03.2025

	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
9.	Hàm lượng Amoni	Method 8038	0.07	0.08	0.08	mg/L	0.3
10.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	Method 8507	0.003	0.005	0.007	mg/L	0.05
11.	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻)	Method 8051	21	20	19	mg/L	250
12.	Hàm lượng muối Clorua	TCVN 6194:1996	17.73	19.14	17.02	mg/L	250 hoặc 300
13.	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0.25	0.19	0.08	mg/L	2

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCĐP 01:2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

Ghi chú: KPH – không phát hiện.

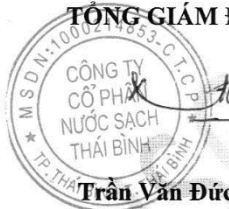
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100m

Thái Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG KH-KT

TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM



Trần Văn Đức

Nguyễn Trung Kiên

Phùng Thị Thu Hà

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPN.

3. “*” Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. “**” Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

2/2